



NHỮNG BIẾN ĐỔI QUAN TRỌNG VÀ HỆ QUẢ KHÁCH QUAN TỪ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG VĂN BẢN HÀNH CHÍNH VIỆT NAM THỜI THUỘC PHÁP (1789 - 1945)

ThS Nguyễn Văn Kết*

1. Biến đổi về thể chế chính quyền và các định chế pháp lý

1.1. Hệ thống chính quyền và các định chế pháp lý trước khi Pháp xâm lược Việt Nam

Trước khi thực dân Pháp xâm lược và thiết lập chính quyền cai trị tại Việt Nam (1862), về cơ bản, trên lãnh thổ Việt Nam gần như duy nhất chỉ tồn tại một loại hình cơ cấu thể chế của chính quyền phong kiến quân chủ chuyên chế phương Đông (kiểu Trung Hoa). Với thể chế chính quyền này, tất cả các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đều tập trung vào một vị trí độc tôn của vua - thiên tử. Trong lịch sử pháp chế của chế độ phong kiến Việt Nam, luật pháp thành văn lần lượt được ra đời: *Hình thư* (1042), *Quốc triều hình luật* (1230 - 1341), *Luật Hồng Đức* (1483). Kể từ năm 1882, khi Gia Long chính thức lên ngôi, lập nên Vương triều Nguyễn, *Hoàng triều luật lệ - Luật Gia Long* ra đời năm 1812, khai sinh ra triều đại phong kiến và định chế pháp lý sẽ trực tiếp đối đầu với một hệ thống chính quyền và định chế mà thực dân Pháp sẽ áp đặt tại Việt Nam. Vì vậy, khi so sánh cơ cấu tổ chức chính quyền và định chế pháp lý xuất hiện tại Việt Nam trước khi Pháp xâm lược là so sánh cơ cấu chính quyền và định chế pháp lý phong kiến nói chung mà cụ thể là triều Nguyễn cùng với *Hoàng triều luật lệ* làm đối tượng để so sánh cụ

* Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

thể về từng mặt: lịch sử tổ chức cơ quan nhà nước, hệ thống pháp luật tạo nên định chế pháp lý.

a) Về lịch sử tổ chức cơ quan nhà nước

Khi nói đến tiến trình lịch sử của một quốc gia, không thể không xét đến lịch sử tổ chức cơ quan nhà nước đã hình thành trên lãnh thổ của quốc gia đó vì lịch sử tổ chức nhà nước là hệ thống những tri thức về quá trình phát sinh, phát triển của các hình thái nhà nước ở từng thời điểm hay bối cảnh lịch sử cụ thể, phản ánh hoàn cảnh ra đời, các giai đoạn và thời kỳ phát triển trong toàn bộ tiến trình lịch sử dân tộc. Mỗi kiểu nhà nước ở mỗi thời kỳ lịch sử, trong những bối cảnh lịch sử cụ thể là bức tranh chân thực phản ánh một phần quan trọng những giá trị lịch sử thông qua hoạt động điều hành thể hiện bằng hệ thống văn bản hành chính của chính quyền nhà nước đó. Vì vậy, lịch sử hệ thống văn bản hành chính cũng góp phần quan trọng trong việc phản ánh lịch sử tổ chức cơ quan nhà nước trong tiến trình lịch sử.

Bằng các chứng cứ lịch sử thành văn hiện có, cơ cấu chính quyền đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam cho đến trước khi Pháp xâm lược Việt Nam là hình thái cơ cấu chính quyền của chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế. Tính từ đầu Công nguyên cho đến thế kỷ X là hình thái cơ cấu chính quyền cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc. Từ thế kỷ thứ X đến trước khi Pháp xâm lược và áp đặt bộ máy cai trị thực dân tại Việt Nam (1862) chỉ có một cơ cấu chính quyền của chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế hình thành và tồn tại qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần,... và cuối cùng là vương triều nhà Nguyễn - triều đại cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam. Về cơ bản, suốt toàn bộ thời gian dài nói trên chỉ tồn tại một loại hình thái cơ cấu chính quyền kiểu chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế phương Đông. Cả sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam đến năm 1945 (cụ thể là đến 24/8/1945, khi Bảo Đại - ông vua cuối cùng của vương triều phong kiến cuối cùng tuyên bố thoái vị), mới chấm dứt sự tồn tại của chế độ phong kiến, cơ cấu chính quyền phong kiến ở Việt Nam. Song, một thực tế lịch sử khác đã xảy ra trong tiến trình lịch sử dân tộc: từ cuối thế kỷ XIX (1862), một cơ cấu chính quyền cai trị thực dân - một hình thái chính quyền mới, chế độ thuộc địa của Pháp hình thành, tồn tại được áp dụng đầu tiên tại Nam Kỳ, sau này cho cả Việt Nam và Đông Dương - Liên bang Đông Dương (1887). Một cơ cấu chính quyền mới tồn tại song lập và chi phối hình thái cơ cấu chính quyền phong kiến cũ: vương triều nhà Nguyễn. Các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp mới của hình thái chính quyền thực dân thuộc địa thể hiện bằng một hệ thống văn bản hành chính mới được hình thành và tồn tại đến khi nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ra đời tại Việt Nam vào năm 1945.

Như vậy có thể khẳng định, sự hình thành và phát triển hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp đã góp phần tác động có tính bước ngoặt về cơ cấu

thể chế chính quyền kéo theo cơ cấu lập pháp, hành pháp và tư pháp của hệ thống chính quyền nhà nước tại Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX. Từ thời điểm này, lịch sử tổ chức cơ quan nhà nước ở Việt Nam “được” bổ sung một hình thái tổ chức cơ quan nhà nước mới - tổ chức cơ quan nhà nước thuộc địa theo kiểu cộng hoà lập hiến bên cạnh hình thái nhà nước phong kiến phương Đông (theo kiểu Trung Hoa). Từ thực tế hoạt động của một hình thái tổ chức nhà nước mới (dù chỉ là nhà nước thực dân ở thuộc địa) song vẫn có thể rút ra những kinh nghiệm nhất định về lĩnh vực quản lý nhà nước, xã hội không thể bỏ qua khi xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân sau này.

Như vậy, tính từ khi thực dân Pháp chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Bộ, thiết lập chế độ thuộc địa với một kiểu hệ thống chính quyền mới dưới quyền điều hành của các đô đốc hải quân mở đầu cho việc xuất hiện một thể chế chính quyền mới với các định chế pháp lý theo kiểu cộng hoà lập hiến (châu Âu) xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam đã từng bước thay thế cho một cơ cấu chính quyền và định chế pháp lý kiểu cũ - phong kiến phương Đông.

b) Về định chế pháp lý

Định chế pháp lý của chính quyền thực dân thời thuộc Pháp thể hiện một cách cụ thể quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp thông qua thẩm quyền ban hành, giá trị pháp lý của chính hệ thống văn bản hành chính thời kỳ này.

Khi xem xét về giá trị pháp lý, thẩm quyền ban hành và công dụng của hệ thống văn bản hành chính trong hệ thống pháp luật của quốc gia. Một đặc trưng cần chú ý: mỗi hệ thống văn bản hành chính đều gắn liền với một chế độ xã hội và một hình thức chính quyền nhà nước nhất định. Vì vậy, ta có thể tìm thấy mẫu số chung trong hình thái hệ thống văn bản hành chính của chính quyền phong kiến và hình thái hệ thống văn bản hành chính theo hình thức chính thể cộng hoà lập hiến. Đó là hệ thống công cụ quản lý nhà nước, quy định các chế tài của pháp luật quốc gia. Với hình thái văn bản hành chính phong kiến, dù là thuộc thời Bắc thuộc hay thời kỳ các triều đại phong kiến độc lập tự chủ của Việt Nam: Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê ... đều tập trung quyền hành lập pháp, hành pháp và cả tư pháp vào tay “thiên tử”. Hệ thống thang bậc thấp cao về giá trị pháp lý của văn bản hành chính cũng từ “thiên tử” trở xuống. Giá trị pháp lý và công dụng của hệ thống văn bản này thực sự thể hiện tính quân chủ chuyên chế của chính quyền phong kiến. Còn với hình thái văn bản theo hình thức chính thể cộng hoà lập hiến chỉ xuất hiện tại Việt Nam từ khi thực dân Pháp áp đặt chế độ cai trị (1862) với hệ thống về giá trị pháp lý của văn bản hành chính có một cơ cấu hoàn toàn khác biệt. Nếu văn bản hành chính có giá trị cao nhất của chế độ phong kiến là của vua, do vua ban hành thì văn bản hành chính có giá trị cao nhất của hình thái mới này là do một tập thể - nghị viện (Parlement bao gồm: Hạ nghị viện - Chambre và Thượng nghị viện -

Sénat) thông qua : luật, đạo luật (loi). Tổng thống Pháp chỉ là người đứng đầu cơ quan hành pháp tối cao và ban hành sắc lệnh (décret) để công bố và chỉ đạo thi hành các đạo luật mà quốc hội đã thông qua. Với quyền lập pháp tại các thuộc địa, theo bản Sénalus - Consulte ngày 03/5/1854, hoàng đế (sau là tổng thống) Pháp nắm quyền lập pháp đối với các thuộc địa mà nước Pháp đã có và sẽ có sau năm 1854. Vì vậy, Liên bang Đông Dương cũng nằm trong quy định này.

Như vậy, có thể khái quát quá trình hình thành văn bản hành chính Việt Nam trong tiến trình lịch sử từ đầu Công nguyên đến thời hiện đại có hai hình thái cơ bản:

- Hình thái hệ thống văn bản hành chính của chế độ phong kiến (phong kiến đô hộ phương Bắc và phong kiến Việt Nam) với ngôn ngữ viết là chữ Hán. Đó là hệ thống văn bản hành chính của nhà nước phong kiến chuyên chế tập quyền, quyền lập pháp và hành pháp đều trong tay một cá nhân: thiên tử.

- Hình thái hệ thống văn bản hành chính của chính quyền thực dân Pháp tại Việt Nam từ năm 1862 đến trước năm 1945, theo kiểu cộng hoà lập hiến, bằng chữ Pháp và chữ quốc ngữ Latinh. Sau năm 1945, là hệ thống văn bản hành chính cùng hình thức thể loại, cấu trúc nội dung nhưng khác về bản chất: của nhà nước dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa, hoàn toàn bằng chữ quốc ngữ Latinh.

1.2. Vai trò và vị trí của sự hình thành hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp trong quá trình hình thành và phát triển ngành hành chính và hệ thống văn bản hành chính Việt Nam

Trước hết, cần xác định vai trò và vị trí của sự hình thành hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp trong quá trình hình thành và phát triển nền hành chính Việt Nam. Có thể nói, đó là một vai trò khá quan trọng, có tính đột phá. Trong tiến trình lịch sử của dân tộc, tính đến thời điểm thực dân Pháp thiết lập hệ thống chính quyền đầu tiên tại Việt Nam ở Nam Kỳ: 1862 - Ba tỉnh Nam Kỳ trở thành thuộc địa (colonie) trực thuộc Bộ Hải quân và Bộ Thuộc địa. Tại Việt Nam chỉ duy nhất tồn tại và phát triển một nền hành chính của chính quyền quân chủ phong kiến phương Đông (theo kiểu Trung Hoa). Đó là một nền hành chính mang sắc thái quân chủ chuyên chế. Vua - thiên tử là đứng tối cao nắm quyền lập pháp, lập quy, hành pháp, tư pháp - toàn bộ quyền hành của một nhà nước. Để phục vụ cho sự điều hành đó, một bộ máy hành chính tương ứng đã hình thành và tồn tại. Song từ sau Hiệp ước 1862 và nhất là sau Hiệp ước 1884 giữa triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp, một hệ thống chính quyền thực dân thuộc địa dần dần được hình thành và hoàn thiện, nhất là khi Liên bang Đông Dương ra đời (1887). Cùng với sự hình thành và hoàn thiện một hệ thống chính quyền với cơ cấu tổ chức mới, có thực quyền quản lý lãnh thổ và hoạt động quản lý nhà nước

tại Việt Nam lúc bấy giờ là một hệ thống văn bản hành chính hoàn toàn khác biệt so với hệ thống văn bản hành chính của chính quyền phong kiến (theo kiểu Trung Hoa) đã và đang tồn tại. Hệ thống văn bản hành chính này là “phiên bản” và là một bộ phận cấu thành của hệ thống văn bản theo chế độ đại nghị cộng hoà của đế quốc Pháp. So với hệ thống văn bản hành chính của chính quyền quân chủ chuyên chế Việt Nam thời nhà Nguyễn có những nét rất mới về tất cả các mặt: thể loại và công dụng, cấu trúc và thể thức trình bày, thẩm quyền ban hành và giá trị pháp lý. Đặc biệt, quan trọng hơn cả là hệ thống chính quyền phong kiến Nam triều cùng hệ thống văn bản hành chính (không còn giá trị về pháp lý) của chính quyền này hoàn toàn bị chi phối về mọi mặt và trở thành công cụ “trực trị” từ cấp địa phương đến cơ sở của hệ thống chính quyền và hệ thống văn bản hành chính của thực dân Pháp tại Việt Nam. Thực sự từ năm 1884 - khi chút quyền quản lý nhà nước về mặt hình thức cuối cùng của nhà Nguyễn cũng rơi vào tay thực dân Pháp (triều đình nhà Nguyễn phải mang chiếc ấn do nhà Thanh giao để nấu chảy trước sự chứng kiến của Khâm sứ Trung Kỳ). Do vậy, vào những năm cuối của chính quyền Nam triều, bên cạnh những văn bản hành chính có tính “cổ truyền” như chiếu, chỉ, sắc,... còn có các thể loại văn bản hành chính được “thực dân hoá” như nghị định, thông tư được các Bộ (của triều đình), quan tổng đốc các tỉnh ban hành. Mặt khác, việc chính quyền thực dân khuyến khích sử dụng chữ quốc ngữ Latinh trong văn bản hành chính từ ngày 01/01/1882 cũng là một lý do để hoàn thiện và phát triển không chỉ hệ thống văn bản hành chính của chính quyền thực dân mà cả trong hệ thống văn bản hành chính của chính quyền Nam triều. *Nam triều quốc ngữ công báo* và *Nam triều quốc ngữ tỉnh kinh tế công báo* ra đời là một trong những biểu hiện của sự biến đổi lớn không chỉ trong lịch sử chế độ phong kiến mà cả trong lịch sử hình thành và phát triển hệ thống văn bản hành chính, lịch sử nền hành chính Việt Nam. Có thể nói, sự kiện này có tính chất cáo chung một hệ thống văn bản hành chính của chính quyền quân chủ chuyên chế Phương Đông “theo kiểu Trung Hoa”, mở ra một thời kỳ hình thành và phát triển mới cho lịch sử hình thành hệ thống văn bản hành chính Việt Nam.

Như vậy, sự hiện diện chính thức của hệ thống văn bản hành chính mới, đặc biệt là hệ thống văn bản hành chính bằng chữ quốc ngữ Latinh không chỉ trong hoạt động của chính quyền thực dân mà đã xuất hiện chính thức trong hoạt động quản lý nhà nước của triều đình nhà Nguyễn vào những năm đầu thế kỷ XX là một biến cố lớn trong lịch sử hình thành và phát triển hệ thống văn bản hành chính Việt Nam, trong lịch sử nền hành chính và cả lịch sử văn hoá Việt Nam. Đây là một trong những dấu ấn có tính bước ngoặt của sự biến đổi nền hành chính nói chung và sự hình thành, phát triển của hệ thống văn bản hành chính tại Việt Nam. Tuy nhiên, như đã trình bày trong các chương đầu, sự biến đổi có tính bước ngoặt nói trên theo hướng phát triển tích cực, không chỉ trong lịch sử tổ chức hoạt động quản lý nhà nước, lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống văn bản hành

chính và nền hành chính Việt Nam, cao hơn cả là lịch sử phát triển ngôn ngữ tiếng Việt, văn hoá Việt Nam. Song đây là sự phát triển không nhằm mục đích “khai hoá văn minh” của các nhà thực dân. Nỗ lực thúc đẩy để thiết lập một nền hành chính mới, một cơ cấu tổ chức nhà nước mới, một nền hành chính và hệ thống văn bản hành chính mà các nhà cai trị thực dân thực hiện hoàn toàn trên cơ sở của mưu đồ cai trị và để cai trị một cách hiệu quả nhất thông qua sự hình thành và phát triển ở những lĩnh vực nói trên. Kết quả của sự phát triển hệ thống văn bản hành chính và ngôn ngữ tiếng Việt đã diễn ra trong thời thuộc Pháp hoàn toàn vượt ngoài mục đích, mong muốn (và cả kiểm chế) của chính quyền thực dân. Đó là kết quả của sức sống của dân tộc Việt Nam, của quá trình chống “Pháp hoá” của văn hoá Việt Nam như đã từng xảy ra trong suốt 1000 năm Bắc thuộc của công cuộc chống “Hán hoá”.

Thông qua biến đổi có tính bước ngoặt trong lịch sử hình thành hệ thống văn bản hành chính tại Việt Nam trong thời thuộc Pháp, ta có thể xác định một cách rõ ràng về vai trò và vị trí có tính bước ngoặt của hệ thống văn bản hành chính thời Pháp thuộc như sau:

- Bằng việc xác lập hệ thống văn bản hành chính của chính quyền thực dân tại thuộc địa, một hệ thống văn bản hành chính mới với những biến đổi quan trọng về các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong hoạt động quản lý nhà nước tại Việt Nam. Những biến đổi này hoàn toàn khác so với hệ thống văn bản hành chính của chính quyền phong kiến Việt Nam đương thời là nhà Nguyễn.

- Sự hình thành và tồn tại hệ thống văn bản hành chính của chính quyền thực dân Pháp tại Việt Nam đã làm thay đổi hoàn toàn về thể loại, thể thức, công dụng, giá trị pháp lý so với hệ thống văn bản hành chính của các triều đại phong kiến Việt Nam.

- Bằng việc khai thác triệt để phương tiện ngôn ngữ thể hiện - chữ quốc ngữ Latinh sau này là ngôn ngữ viết chính thức của dân tộc Việt Nam, một hình thức văn bản hành chính mới ra đời : văn bản hành chính bằng "chữ quốc ngữ Latinh" tiện dụng, phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt.

Điều này có tác dụng khá sâu sắc trong việc hình thành hệ thống văn bản hành chính mới, là tiền đề về hình thức và thể loại cho hệ thống văn bản hành chính của Nhà nước dân chủ nhân dân của Việt Nam sau năm 1945. Ngay cả hệ thống văn bản hành chính của vương triều nhà Nguyễn từ những năm đầu của thế kỷ XX đến năm 1945, bên cạnh những văn bản hành chính có tính đặc trưng của chính quyền phong kiến như sắc, chiếu, chỉ, tấu, sớ,... còn có các văn bản mới giống như các văn bản trong hệ thống văn bản hành chính của chính quyền thực dân Pháp: nghị định, thông tư, ...

2. Biến đổi về hệ thống và thể loại văn bản hành chính

2.1. Những biến đổi cơ bản về thẩm quyền ban hành, thể loại văn bản hành chính thời thuộc Pháp

Trước hết cần nói đến sự biến đổi về hình thức thể loại của văn bản hành chính thời thuộc Pháp. Đây là một trong những biến đổi không chỉ có tính hình thức mà còn kéo theo cả những biến đổi trong cách cấu thành và thể hiện các định chế pháp lý thông qua sự thể hiện chế độ chính sách, chế tài pháp luật trong hệ thống văn bản hành chính theo kiểu chế độ cộng hoà lập hiến mà thực dân Pháp mang vào Việt Nam. Chính sự biến đổi này là cơ sở cho việc hình thành thẩm quyền ban hành hệ thống văn bản hành chính Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Trong tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam từ khi xuất hiện văn bản hành chính thành văn đến ngày nay, về cơ bản chỉ xuất hiện và tồn tại hai hình thức thể loại văn bản hành chính:

- Hệ thống văn bản hành chính của chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế Phương Đông (theo kiểu Trung Hoa): sắc, chỉ, tấu,...

- Hệ thống văn bản hành chính của chế độ cộng hoà lập hiến¹: Décret (sắc lệnh), Décret-loi (sắc luật), Délibération (nghị quyết), Arrêté (nghị định), Décision (quyết định), ...

Hai hệ thống thể loại văn bản hành chính trên hoàn toàn khác nhau về tính cấu trúc và thể thức trình bày, về giá trị pháp lý và chủ thể pháp nhân ban hành. Do đặc điểm cơ bản của văn bản hành chính phải gắn với một thể chế chính quyền nhất định nên hệ thống văn bản hành chính thời Bắc thuộc và nhất là từ thế kỷ thứ X (nhà Lý) đến năm 1945 của các triều đại phong kiến Việt Nam thuộc một hình thái - hình thái văn bản hành chính của chính quyền quân chủ chuyên chế Phương Đông theo kiểu Trung Hoa. Nét cơ bản về thể loại và cấu trúc của hệ thống văn bản hành chính của chính quyền phong kiến luôn hướng vào một chủ thể duy nhất có thẩm quyền cao nhất, tập trung nhất: Vua. Vì vậy, các loại văn bản trong hệ thống này được hình thành từ cao tới thấp theo một cấu trúc quyền lực hình chóp duy nhất. Tất cả các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp đều từ những văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của Vua - nhánh quyền lực duy nhất của nhà nước, chế độ xã hội - Vua. Vì vậy, thẩm quyền ban hành văn bản cũng chỉ tập trung duy nhất vào một cá nhân - Vua.

Với hình thái thứ hai: hệ thống văn bản của chính quyền thực dân hoàn toàn mới về hình thức thể loại, cấu trúc nội dung và hình thức thể hiện. Đó là hệ thống văn bản hành chính theo kiểu cộng hoà lập hiến được chính quyền thực dân Pháp áp dụng từ năm 1862 - ngay thời kỳ đầu cuộc viễn chinh xâm lược của họ tại Nam Kỳ².

Hệ thống văn bản này được xây dựng trên cơ sở vận dụng từ thể loại đến thẩm quyền ban hành theo cơ cấu tổ chức và mối quan hệ phụ thuộc với hệ thống văn bản của chính quyền Pháp tại chính quốc. Các quyền lập pháp (tại thuộc địa), hành pháp và tư pháp đều được quy định một cách rõ ràng cho từng cấp chính quyền³ và bị chi phối bởi các nhánh quyền lực theo kiểu “tam quyền phân lập” tại chính quốc. Ngay trong phạm vi hoạt động lập pháp tại Đông Dương, thẩm quyền ban hành nghị định loại này của Toàn quyền Đông Dương cũng phải được Bộ trưởng trực tiếp quản lý phê duyệt (approuver). Nếu không đồng ý phải dự lập dự thảo trình tổng thống để ban hành thành sắc lệnh lập pháp cho thuộc địa (trên cơ sở pháp lý là bản Sénalus - Consulte ngày 03/5/1854) thay thế cho nghị định của toàn quyền không được bộ trưởng phê duyệt⁴. Ngay tại ba kỳ của Đông Dương, chính quyền các kỳ chỉ có quyền lập quy nhằm thực thi các nghị định của Toàn quyền và các sắc lệnh của Tổng thống Pháp. Đặc biệt sau năm 1884, khi triều đình nhà Nguyễn chấp nhận nền bảo hộ của nước Pháp thì ngay cả thẩm quyền ban hành của hệ thống văn bản của chính quyền phong kiến tại Trung Kỳ (nơi chính quyền này còn tổ chức khá hoàn chỉnh hệ thống chính quyền từ trung ương đến cơ sở) cũng bị điều chỉnh bởi các nghị định của Toàn quyền Đông Dương và Khâm sứ Trung Kỳ.

Như vậy, có thể thấy rõ sự khác nhau cơ bản giữa hai hệ thống văn bản hành chính nói trên là sự phân quyền và tập quyền trong toàn bộ hành vi lập pháp, hành pháp và tư pháp thông qua hệ thống văn bản hành chính của chính quyền thực dân và chính quyền phong kiến. Vì vậy, có thể kết luận về giá trị của những biến đổi về thẩm quyền ban hành và thể loại văn bản hành chính thời thuộc Pháp là những biến đổi có tính bước ngoặt, thúc đẩy sự phát triển có chiều hướng tích cực dù mục đích xuất hiện của hệ thống văn bản hành chính của chính quyền thực dân Pháp hoàn toàn xa lạ với những mục đích nhân văn cao cả - phát triển văn hoá, văn minh của dân tộc Việt Nam. Một sự tích cực ngoài ý muốn chủ quan của các nhà cai trị thực dân.

2.2. Những biến đổi quan trọng của hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp trong lịch sử hành chính, lịch sử văn hoá và tiến trình Việt Nam

Sự biến đổi lớn do hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp tạo ra có tác động đến lịch sử nền hành chính, lịch sử văn hoá và tiến trình lịch sử dân tộc, có thể thấy được ở các nội dung sau:

- Bằng việc xuất hiện một hệ thống văn bản hành chính của chính quyền theo kiểu cộng hoà lập hiến, hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp đã tạo ra một sự thay đổi cơ bản về thể loại, cấu trúc, công dụng, thẩm quyền ban hành của hệ thống văn bản hành chính Việt Nam. Sự thay đổi này mở đầu cho một hình

thái mới về sự hình thành và phát triển của lịch sử hệ thống văn bản hành chính Việt Nam thời cận hiện đại - thời kỳ của hệ thống văn bản hành chính theo kiểu cộng hoà lập hiến, bằng ngôn ngữ viết tiếng Việt - chữ quốc ngữ Latinh. Đây là một trong những bộ phận quan trọng của lịch sử hành chính nói chung và lịch sử văn bản hành chính nói riêng.

- Bằng việc xuất hiện một hệ thống văn bản hành chính mới, với thể thức và cấu trúc du nhập từ châu Âu, kết hợp với sự phát triển của chữ quốc ngữ Latinh, hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp thực sự tạo ra một chuyển biến tích cực trong việc phát triển kho từ vựng của phong cách ngôn ngữ hành chính, thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ viết tiếng Việt để chữ quốc ngữ Latinh trở thành thứ ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của xã hội Việt Nam. Chính những chuyển biến căn bản về thể loại và ngôn ngữ bắt nguồn từ những chuyển biến trong hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp đã góp phần thúc đẩy sự phát triển về hành chính, văn hoá trong tiến trình lịch sử của dân tộc. Song cần nhấn mạnh là: những chuyển biến tích cực này trong tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam hoàn toàn dựa trên sức sống mãnh liệt của văn hoá Việt Nam, của dân tộc Việt Nam. Yếu tố tích cực này hoàn toàn nằm ngoài mục đích, dự định và sự kiểm soát của chính quyền thực dân.

- Bằng việc xuất hiện một hệ thống văn bản mới, với một cơ cấu chính quyền kiểu mới khác xa với cơ cấu hệ thống chính quyền kiểu phong kiến, hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp đã có những thay đổi căn bản về thẩm quyền ban hành, giá trị pháp lý của hệ thống văn bản hành chính Việt Nam. Chính sự thay đổi này đã kéo theo sự thay đổi một cách căn bản về thẩm quyền và phương pháp tổ chức thực hiện trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp tại Việt Nam.

Như vậy, bằng những nội dung cơ bản trên, có thể kết luận: Hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp đã góp phần tạo ra những biến đổi lớn trong lịch sử hành chính và lịch sử văn hoá của dân tộc Việt Nam, tạo ra bước phát triển mới, có tính bước ngoặt trong tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, những chuyển biến tích cực này nằm ngoài mục đích, yêu cầu và mong muốn của chính quyền thực dân thời thuộc Pháp và càng không thể là sản phẩm của công cuộc “khai phá văn minh” do những nhà thực dân chuyên nghiệp thực hiện. Đây chính là thành quả của sức sống, sức phát triển mà dân tộc Việt Nam đã biết tận dụng những cơ hội thuận lợi để tồn tại và phát triển trong tình cảnh của một dân tộc bị nô dịch và xâm lăng. Những biến đổi có tính căn bản này tạo cho lịch sử văn bản hành chính Việt Nam thực sự chuyển sang một trang mới trong việc hình thành văn bản hành chính thành văn bằng chữ quốc ngữ Latinh và một hệ thống thể loại với cấu trúc văn bản hoàn toàn mới so với những gì đã và đang tồn tại ở Việt Nam.

3. Biến đổi về ngôn ngữ trong văn bản hành chính và ngôn ngữ viết tiếng Việt

3.1. Sự biến đổi về ngôn ngữ viết trong văn bản hành chính Việt Nam thời thuộc Pháp - Sự biến đổi có tính căn bản và bước ngoặt trong lịch sử phát triển của hệ thống văn bản hành chính Việt Nam, ngôn ngữ viết tiếng Việt

Biến đổi về ngôn ngữ (viết) là một trong những biến đổi quan trọng đã diễn ra trong thời kỳ thuộc Pháp. Đây là một sự biến đổi có ý nghĩa bước ngoặt, đưa lịch sử chữ viết nói chung và chữ viết trong văn bản hành chính nói riêng sang một trang mới, một thời kỳ phát triển mới, hoàn toàn khác biệt so với phương tiện đã sử dụng trong hơn 18 thế kỷ đã qua trên lãnh thổ Việt Nam. Trong tiến trình lịch sử của dân tộc, trải qua hơn cả 100 thế kỷ (tính đến những năm đầu thế kỷ thứ X), ông cha ta mới tìm ra một thứ chữ viết “riêng” cho văn hoá Việt Nam. Đó là “chữ quốc ngữ Nôm”. Lịch sử Việt Nam ít nhất cũng ghi nhận những cố gắng vượt bậc của Hồ Quý Ly và Nguyễn Huệ - hai nhân vật có nhiều cố gắng phát huy việc sử dụng chữ Nôm trong đời sống văn hoá của xã hội nói chung và nhất là trong lĩnh vực hành chính nói riêng. Những cố gắng đó xét về mặt tinh thần dân tộc thật là đáng trân trọng, tôn thờ. Song xét về tính thực tế và khoa học trong hoạt động của xã hội nói chung, các hoạt động giao tiếp, giáo dục, truyền đạt và lưu giữ tri thức thì còn nhiều vấn đề cần bàn tới. Nhưng từ những năm 60 của thế kỷ XIX⁵, những biến đổi quan trọng từ sự hình thành và phát triển hệ thống văn bản hành chính thời thuộc Pháp đã tạo ra những bước ngoặt có tính cơ bản, quyết định một quá trình phát triển hoàn toàn mới của ngôn ngữ viết tiếng Việt. Đó là việc sử dụng chữ quốc ngữ Latinh vào việc ban hành những văn bản hành chính của chính quyền thực dân Pháp tại Việt Nam. Những biến đổi có tính cơ bản đó có thể xác định một cách rõ ràng là:

- Lần đầu tiên trong lịch sử hình thành và phát triển hệ thống văn bản hành chính Việt Nam, văn bản hành chính được diễn đạt bằng một phương tiện ngôn ngữ viết mới, không phải là ngôn ngữ của bất cứ một dân tộc nào trên thế giới, nhất là dân tộc đang tiến hành xâm lược và cai trị Việt Nam cả về lãnh thổ, chủ quyền và văn hoá.

- Việc quyết định sử dụng chính thức chữ quốc ngữ Latinh trong văn bản hành chính từ ngày 01/01/1882 của Thống đốc Nam Kỳ⁶ đã tạo ra bước ngoặt cơ bản trong lịch sử hình thành và phát triển văn



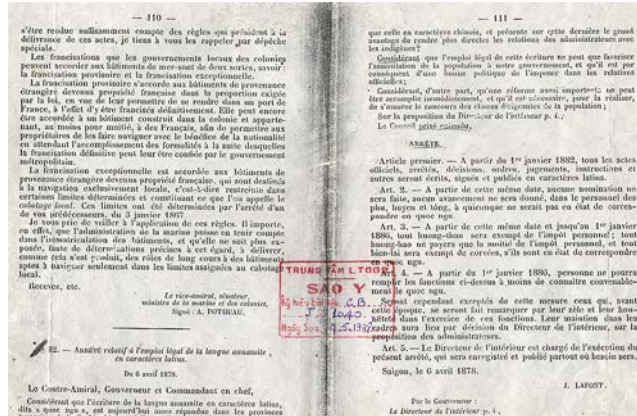
bản hành chính Việt Nam.

Xét về công dụng và tính khoa học của ngôn ngữ, có thể khẳng định chữ quốc ngữ Latinh là một ngôn ngữ viết rất phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ của dân tộc Việt Nam. Đó là một thứ ngôn ngữ viết tồn tại hoàn toàn độc lập cả về hình thức ghi âm, cấu trúc ngữ nghĩa và ngữ pháp mà không cần phương tiện có tính chất cầu nối của chất liệu ngôn ngữ có tính hoàn chỉnh (nguồn từ ngữ) để chế tác ra nó. Với chữ quốc ngữ Latinh, người sử dụng không cần phải biết chữ Latinh mà chỉ cần biết sử dụng các ký tự (chữ cái) Latinh. Khác với việc sử dụng “chữ quốc ngữ Nôm”, khi sử dụng cần phải biết chữ Hán. Bởi vì chữ Nôm được chế tác từ việc ghép chữ Hán theo các kiểu: hội ý (dùng hai chữ Hán nguyên dạng ghép lại để tạo ý muốn nói), giả tá (mượn chữ Hán để đọc theo âm cổ, mượn nguyên dạng nguyên âm để diễn đạt từ khác nghĩa ...), hình thanh, chỉ sự, tượng hình, chuyển chú⁷. Trong khi đó, *“chữ quốc ngữ Latinh là một thứ chữ chỉ dùng tự mẫu (chữ*

*La Mã để phiên âm tiếng An Nam”*⁸. Suốt từ thế kỷ thứ I đến giữa thế kỷ XIX, hệ thống văn bản hành chính của các triều đại phong kiến xâm lược (thời Bắc thuộc) và các triều đại phong kiến Việt Nam đều dùng chữ Hán làm ngôn ngữ viết trong thi cử và giao dịch hành chính. Từ sau năm 1882⁹ đến ngày nay, chữ quốc ngữ Latinh mới trở thành ngôn ngữ viết chính thức không chỉ trong văn bản hành chính mà cả trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội như giáo dục, sáng tác thơ văn, trao đổi và truyền đạt thông tin, giao tiếp giữa các cá nhân, tổ chức nhà nước, xã hội. Ngay cả triều đình nhà Nguyễn, dù vẫn là thể chế chính quyền phong kiến, cơ bản vẫn mô phỏng hệ thống văn bản hành chính của nhà nước phong kiến phương Bắc, ngôn ngữ viết bằng chữ Hán đến những năm 30 của thế kỷ XX¹⁰ nhưng cũng đã xuất hiện rất nhiều những văn bản với thể thức hoàn toàn mới như nghị định, thông tư bằng chữ quốc ngữ Latinh. Đặc biệt, cả các văn bản có tính truyền thống về thể loại như chỉ, dụ,... trước đây diễn đạt bằng chữ Hán thì đến thời kỳ này cũng được trình bày bằng chữ quốc ngữ Latinh.

Như vậy, nhìn một cách tổng quát, ta thấy quá trình hình thành và phát triển của chữ quốc ngữ Latinh từ thế kỷ XVI đến năm 1945 là một quá trình “ngoại sinh và nội phát”. Trước tiên, nó được hình thành từ yếu tố bên ngoài, ban đầu chỉ dùng để truyền đạo, ghi chép các hoạt động truyền đạo và hoạt động của các xứ đạo từ những năm 1620¹¹. Qua các tài liệu hiện có, đặc biệt là các tài liệu hiện được lưu trữ tại Thư viện và Lưu trữ Vatican¹², các văn bản loại này chủ yếu được hình thành dưới dạng viết tay. Như vậy, trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, chữ quốc ngữ Latinh chỉ là phương tiện truyền đạo, hành đạo, bó hẹp trong phạm vi các cha cố người phương Tây và một số người Việt theo đạo Gia tô. Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, thấy được những ưu điểm to lớn của loại chữ này so với chữ Pháp (gắn liền với đội quân xâm lược, khó được dân bản xứ chấp nhận) và chữ Hán, vừa khó học, vừa gắn liền với văn hoá phương Đông (khó tiếp

cận và sử dụng của bộ máy cai trị thực dân). Vì vậy, họ tìm mọi cách phát triển (trước hết là trong lĩnh vực giao dịch hành chính) làm công cụ cai trị xứ thuộc địa “Cochinchine”¹³ một cách có hiệu quả nhất¹⁴: khi quy định việc sử dụng chữ quốc ngữ Latinh trong văn bản hành chính của chính quyền thực dân tại Nam Kỳ



Xét rằng chữ An - nam bằng mẫu tự Latinh, gọi là “chữ quốc ngữ”, ngày nay đã khá phổ biến trong các tỉnh thuộc Pháp ở Nam Kỳ; rằng chữ ấy dễ học hơn chữ Hán và so với chữ Hán, chữ ấy có điều lợi lớn là làm cho quan hệ của những người cai trị với dân bản xứ trở nên trực tiếp hơn.

Xét rằng việc sử dụng theo luật định thứ chữ này chỉ có thể làm cho dân chúng đồng hoá với chính quyền thuận lợi hơn và do đó việc bắt buộc dùng thứ chữ ấy trong các quan hệ chính thức là một chính sách tốt.

Nghị định trên của chính quyền thực dân tại Nam Kỳ đã khai thác những ưu điểm của chữ quốc ngữ Latinh sử dụng trong văn bản hành chính, tạo mọi điều kiện để loại ngôn ngữ viết này phát triển sâu rộng trước hết là trong hàng ngũ quan lại cai trị cả người Pháp lẫn người Việt, chính quyền thực dân Pháp đã thực sự coi đó là một công cụ cai trị thiết yếu và có hiệu quả nhất, hơn hẳn ngôn ngữ viết tiếng Pháp và tiếng Hán trong công cuộc xâm lược và thống trị trước là tại Nam Kỳ, sau là toàn bộ ba kỳ của Việt Nam. Trên cơ sở đó, chữ quốc ngữ Latinh có điều kiện phát triển không chỉ trong lĩnh vực hành chính mà chuyển dần sang lĩnh vực giáo dục và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội Việt Nam từ những năm cuối thế kỷ XIX và trở thành ngôn ngữ viết chính thức của dân tộc Việt Nam ngày nay.

3.2. Sự giao thoa ngôn ngữ trong văn bản hành chính Việt Nam thời thuộc Pháp - động lực thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ viết tiếng Việt

Sự biến đổi ngôn ngữ trong văn bản hành chính thời thuộc Pháp dưới góc độ của phong cách ngôn ngữ hành chính - công vụ (một trong những ngành nghiên cứu chủ yếu của ngôn ngữ học) là một động lực quan trọng thúc đẩy không chỉ ngôn ngữ của phong cách hành chính công vụ mà còn tạo ra một thời kỳ mới của lịch sử phát triển ngôn ngữ viết nói chung của dân tộc Việt Nam.

Khi nói đến lịch sử nền hành chính của một quốc gia, không thể không nói đến lịch sử hình thành và sử dụng hệ thống văn bản hành chính - công cụ thiết yếu để đảm bảo sự hoạt động của nền hành chính ấy. Văn bản hành chính là những văn bản được tạo lập bằng ngôn ngữ viết, theo phong cách ngôn ngữ hành chính (bureaucratic style). Thông qua văn bản hành chính có thể thấy được sự phát triển khá rõ về ngôn ngữ viết của một dân tộc, nhất là ngôn ngữ thuộc phong cách hành

chính. Sự phát triển của văn bản hành chính ở Việt Nam giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX do những điều kiện lịch sử nhất định nên đã có sự giao thoa giữa ba ngôn ngữ Pháp - Hán - Việt (Latinh) để tạo ra một lớp từ mới trong phong cách hành chính - công vụ.

Khi đề cập đến hoàn cảnh lịch sử của việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản hành chính Việt Nam, trước hết cần nói đến sự xuất hiện và tồn tại của hệ thống văn bản hành chính và ngôn ngữ viết bằng chữ Hán tồn tại, phát triển trong một giai đoạn khá dài trong lịch sử dân tộc. Ngay từ đầu Công nguyên, nhà Tây Hán vào Việt Nam mang theo hệ thống văn bản hành chính của họ và chữ Hán làm công cụ cai trị trên lãnh thổ Âu Lạc. Kể từ đó, suốt 1000 năm Bắc thuộc và sau này, các triều đại phong kiến Việt Nam đều sử dụng hệ thống văn bản hành chính mô phỏng hệ thống văn bản của Trung Quốc và ngôn ngữ viết: chữ Hán. Về sau, ngôn ngữ viết của dân tộc có xuất hiện thêm một loại “chữ quốc ngữ Nôm” nhưng cơ bản vẫn gắn liền với chữ Hán.

Sau đó, có hai sự kiện quan trọng làm biến đổi một cách cơ bản ngôn ngữ viết tiếng Việt và hệ thống văn bản hành chính ở Việt Nam. Đó là sự ra đời của chữ quốc ngữ Latinh do những nhà truyền giáo phương Tây tạo ra và hệ thống văn bản hành chính cùng ngôn ngữ Pháp mà thực dân xâm lược du nhập vào Việt Nam.

Thứ nhất là sự ra đời của chữ quốc ngữ Latinh. Vào thế kỷ XVI - XVII, các cố đạo người Phương Tây tiêu biểu: J. Roiz, G. Luis, C. Borri, A. De Rhodes¹⁵ đã góp phần tạo ra một ngôn ngữ viết mới cho người Việt Nam bằng cách ghi lại âm tiết của tiếng Việt bằng các ký tự Latinh. Mục đích của hoạt động này là để truyền giáo¹⁶.

Thứ hai là sự xâm lược của thực dân Pháp vào Việt Nam. Sau khi đã cơ bản thôn tính về lãnh thổ, họ tiến hành thiết lập chế độ cai trị thuộc địa mà đầu tiên là ở Nam Kỳ, điều tất yếu kèm theo chế độ cai trị là hệ thống văn bản hành chính của nhà nước chính quốc, bằng tiếng Pháp được áp dụng tại thuộc địa này. Như vậy, từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, tại Việt Nam về cơ bản, tồn tại hai hệ thống văn bản hành chính: một là của nhà nước phong kiến triều Nguyễn bằng chữ Hán và một là của chính quyền thực dân Pháp ở Bắc, Trung, Nam Kỳ bằng chữ Pháp.

Tuy vậy, trong quá trình tiến hành chính sách cai trị tại Việt Nam, người Pháp đã nhận ra những ưu điểm lớn của loại chữ viết (chữ quốc ngữ Latinh) mà các cố đạo Gia tô giáo sử dụng trong việc truyền đạo có công dụng hơn tiếng Pháp và tiếng Hán. Bằng hàng loạt các văn bản có tính pháp lý cao của Thống đốc Nam Kỳ: đạo luật G. Ohier, ngày 22/2/1869, nghị định số 82, ngày 06/4/1878; 06 đạo luật của Thống đốc Nam kỳ Le Myre de Vilers từ 07/7/1879 đến năm 1882 đã chính thức đưa chữ quốc ngữ Latinh vào thay thế chữ Pháp trong văn bản hành chính. Đây là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng giao thoa ngôn ngữ Pháp - Hán - Việt để tạo ra

một lớp từ mới trong kho từ vựng tiếng Việt thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính của Việt Nam.

Giao thoa ngôn ngữ (interfere of language): “Sự tương tác các hệ thống ngôn ngữ trong điều kiện song ngữ, được thực hiện nhờ sự tiếp xúc giữa các ngôn ngữ hoặc nhờ sự thông thạo của cá nhân đối với một (nhiều) ngôn ngữ không phải là tiếng mẹ đẻ. Sự tương tác này được thể hiện ở sự lệch chuẩn của tiếng mẹ đẻ hoặc của hệ thống của ngôn ngữ thứ hai dưới tác động của tiếng mẹ đẻ.

Giao thoa ngôn ngữ biểu hiện âm sắc của tiếng nước ngoài trong lời nói của người nắm vững hai ngôn ngữ. Hiện tượng giao thoa có thể xảy ra ở tất cả các cấp độ khác nhau của tổ chức ngôn ngữ: giao thoa ngữ âm học hay âm vị học, giao thoa hình thái - cú pháp học, giao thoa từ vựng học”¹⁷.

Sự giao thoa ngôn ngữ trong tiếng Việt vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX không hoàn toàn như định nghĩa trên. Sự giao thoa này được tạo bởi sự kết hợp giữa một hình thức văn bản hành chính của người Pháp mang vào Việt Nam (bằng tiếng Pháp), dùng nghĩa và âm của tiếng Hán để ghi lại bằng ký hiệu ngôn ngữ viết “quốc ngữ” Latinh - tiếng Việt. Từ đó tạo ra một lớp từ hoàn toàn mới trong ngôn ngữ tiếng Việt nói chung đặc biệt là ngôn ngữ viết thuộc phong cách hành chính: lớp từ mới “ý nghĩa xuất hiện trong một thời kỳ nhất định ở một ngôn ngữ... để biểu đạt những khái niệm mới”¹⁸. Những từ mới này thuộc dạng từ vựng nghề nghiệp hành chính, được hình thành trên cơ sở giao thoa ngôn ngữ Pháp - Hán - Việt. Điều này có thấy rất rõ trong các trường hợp từ vựng của phong cách hành chính như: sắc và sắc lệnh, nghị định, quyết định, chỉ thị, thông tư,...

Mặt khác, khi xem xét các trường hợp giao thoa ngôn ngữ nói trên, việc sử dụng âm và nghĩa Hán - Việt ở những từ gốc Hán cùng có ý nghĩa biểu hiện sự vật như từ Hán - Việt khá phổ biến, song cũng có một số từ được cấu tạo là sự ghép nghĩa của hai từ gốc Hán riêng biệt để biểu hiện một loại văn bản hành chính - tạo ra từ mới. Có thể phân loại phương pháp sử dụng âm và nghĩa của từ gốc Hán cụ thể như:

- Các từ sử dụng nghĩa và âm giống sự vật biểu hiện trong tiếng Hán: *công báo, công hàm, công lệnh,...*

- Các từ sử dụng nghĩa và âm đơn lẻ, không giống sự vật biểu hiện trong tiếng Hán: *biên bản, sắc luật, thông tư, lập quy,...*

- Tiếng Hán được sử dụng với ý nghĩa: “đăng ký”, “ký lục”¹⁹.

- Loại văn bản hành chính của Pháp: văn bản “báo cáo, để chứng nhận những cái họ đã làm, đã nghe thấy, đã nhìn thấy trong khi thừa hành nhiệm vụ” hoặc “là giấy tờ mà người có nhiệm vụ thư ký trong một cuộc họp lập, ghi chép diễn trình cuộc hội họp”²⁰.

- Khi ghi lại bằng chữ quốc ngữ Latinh sử dụng âm và nghĩa Hán - Việt thì dùng 02 chữ biên “(編): “sắp xếp, viết...” và bản” (本): “bản, vở, sách ...”²¹.

Có thể phân tích cơ chế của sự giao thoa này qua một số từ tiêu biểu:

* *Nghị quyết*

Về thể loại từ tiếng Pháp:

Viết	Délibération
Ý nghĩa ²²	Kết quả của cuộc thảo luận

Về nghĩa và âm Hán:

Ý nghĩa ²³	Bàn cho quyết xong để thi hành	Xét định, ý chí không đổi
Âm Hán Việt	衣 (Nghị)	決 (Quyết)
Phiên âm Latinh	Yì	Jué
Viết bằng chữ quốc ngữ Latinh	Nghị	Quyết

* *Nghị định*

Về thể loại từ tiếng Pháp:

Viết	Arrêté
Ý nghĩa ²⁴	Văn bản pháp quy - Ở Cộng hoà Pháp: do Bộ trưởng, Tỉnh trưởng, Thị trưởng có quyền ban hành. - Ở Việt Nam hiện nay: do chính phủ ban hành để thi hành một đạo luật hay pháp lệnh.

Về nghĩa và âm Hán:

Ý nghĩa	Bàn cho quyết xong để thi hành	Xếp đặt được yên ổn, không bị lay động nữa [53 : 142]
Âm Hán - Việt	衣 (Nghị)	定 (Định)
Phiên âm Latinh ²⁵	Yì	Dìng
Viết bằng chữ quốc ngữ Latinh	Nghị	Định

* *Quyết định*

Về thể loại từ tiếng Pháp:

Viết	Décision
------	----------

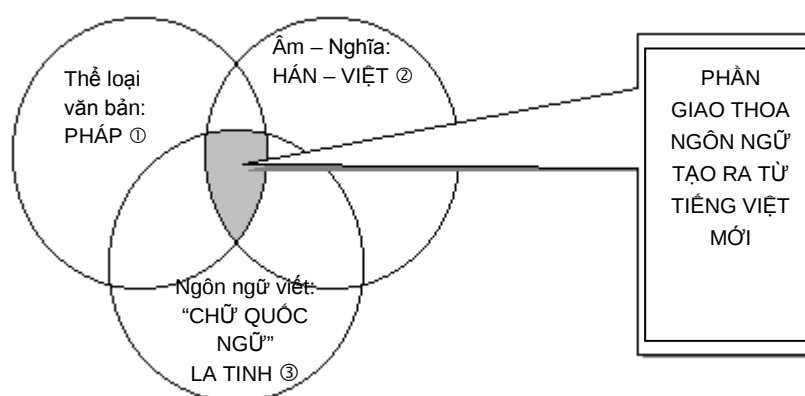
Ý nghĩa [25]	Hành vi mang tính chất pháp lý của một người, một cơ quan, một tổ chức có thẩm quyền quyết định một việc, một vấn đề bằng cách ra một văn bản pháp quy hay văn bản cá biệt.
--------------	---

Về nghĩa và âm Hán:

Ý nghĩa	Xét định, ý chỉ không đổi	Xếp đặt được yên ổn, không bị lay động nữa [53 : 142]
Âm Hán Việt	決 (Quyết)	定 (Định)
Phiên âm Latinh	Jué	Dìng
Viết bằng chữ quốc ngữ Latinh	Quyết	Định

Như vậy, bản chất của sự giao thoa ngôn ngữ là sự giao thoa giữa tiếng Pháp - biểu trưng sự vật: thể loại văn bản hành chính, sử dụng ý nghĩa và âm của tiếng Hán và ghi lại bằng ký hiệu ngôn ngữ là chữ quốc ngữ Latinh. Điều cần chú ý là khi sử dụng âm và nghĩa Hán có ảnh hưởng của cách tạo chữ Nôm theo kiểu giả tá (mượn nguyên dạng chữ Hán và nguyên âm Hán để tạo ra từ (hoặc cụm từ mới) [26]. Vì vậy, sự giao thoa của ba ngôn ngữ nói trên đã bước đầu tạo ra một lớp từ mới của phong cách hành chính công vụ, sau phát triển sang các phong cách ngôn ngữ khác của ngôn ngữ viết tiếng Việt. Chính sự giao thoa này cũng là một động lực quan trọng giúp cho tiếng Việt có thêm điều kiện để phát triển, kho từ vựng của tiếng Việt trong các loại phong cách thêm đa dạng và phong phú nhờ hiện tượng giao thoa.

Sơ đồ. Sự giao thoa ngôn ngữ: Pháp - Hán Việt - Chữ quốc ngữ Latinh (tiếng Việt)



Ghi chú:

① Xuất xứ thể loại, công dụng: tiếng Pháp

② Cách phát âm, ý nghĩa: Hán - Việt.

③ Cách viết: Chữ quốc ngữ Latinh - tiếng Việt.

Phần giao thoa tạo ra lớp từ mới.

Bảng thống kê một số từ được tạo lập bởi sự giao thoa ngôn ngữ Pháp - Hán - Việt

S T T	CHỮ QUỐC NGŨ LA TINH (TIẾNG VIỆT)	CHỮ HÁN		CHỮ PHÁP
		chữ phồn thể	chữ giản thể	
1	Biên bản	編本	编本	Procès-verbal
2	Chỉ thị	指示	指示	Directive (Instruction)
3	Công báo	公報	公报	Journal officiel
4	Công hàm	公函	公函	Note diplomatique
5	Công lệnh	公令	公令	Ordre de service
6	Hiệp định	協定	协定	Accord
7	Hợp đồng	合同	合同	Contrat ad- ministratif
8	Nghị định	衣定	衣定	Arrêté
9	Nghị quyết	衣決	衣決	Délibération
10	Pháp lệnh	法令	法令	Ordonnance
11	Quyết định	決定	决定	Décision
12	Sắc lệnh	敕令	敕令	Décret
13	Sắc luật	敕律	敕律	Décret-loi
14	Thông tư	通咨	通咨	Circulaire
15	Thông tri	通知	通知	Note
16	Lập pháp	立法	立𠂔	Législatif
17	Lập quy	立規	立規	Réglementation
18	Căn cứ	據	根𠂔	Considérant

Sự tiếp xúc và giao thoa ngôn ngữ Pháp - Hán - Việt đã thực sự tạo ra bước phát triển mới cho ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ viết tiếng Việt từ cuối thế kỷ XIX đến nay. Kết quả của hiện tượng này là yếu tố tích cực tạo ra một số hệ quả như sau:

a) Về sự phát triển chung của tiếng Việt

Có thể nói, đến trước thế kỷ thứ XVI - XVII, ngôn ngữ viết tiếng Việt nói chung chỉ quanh quẩn với chữ Hán, chữ Nôm. Vì vậy, ngôn ngữ tiếng Việt cũng không thể thoát khỏi những ảnh hưởng của văn chương, vốn từ, các quy tắc ngữ pháp của loại ngôn ngữ này. Sau đó, chữ quốc ngữ ra đời. Ban đầu, chữ quốc ngữ

được sử dụng trong việc truyền đạo, sau được truyền bá rộng rãi. Đặc biệt, năm 1882 nhà cầm quyền Nam Kỳ thuộc địa chính thức đặt quy định sử dụng trong giao dịch thông qua văn bản hành chính bằng chữ quốc ngữ (1865 xuất bản công báo: *Gia Định báo*)²⁶ quyết định này có ý nghĩa hết sức quan trọng vì:

- Thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ viết bằng ký tự Latinh không chỉ trong lĩnh vực giao dịch hành chính mà mở ra cả các lĩnh vực khác như: giáo dục, báo chí... Điều này thực sự là động lực có tính pháp lý để phát triển và xã hội hoá chữ quốc ngữ Latinh.

- Tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc sử dụng chữ Hán trong giao dịch hành chính bằng văn bản²⁷.

b) Về sự phát triển của ngôn ngữ viết tiếng Việt

Đây là vấn đề khá quan trọng không chỉ với ngôn ngữ (nhất là ngôn ngữ viết) mà cả trong lịch sử văn hoá của dân tộc Việt Nam. Việc tạo ra chữ Nôm - thứ chữ viết cho riêng dân tộc trong lịch sử là một cố gắng lớn của những nhà trí thức Việt Nam, là sự tự tôn dân tộc, là ý muốn thoát khỏi sự phụ thuộc đế quốc Trung Hoa. Song chữ Nôm được tạo ra từ chữ Hán. Nếu không biết chữ Hán thì không thể biết chữ Nôm. Như vậy, chữ Nôm chưa đáp ứng được yêu cầu của một loại ngôn ngữ viết của dân tộc. Còn chữ quốc ngữ thì khác. Người học, người sử dụng không hề biết chữ Latinh song vẫn có thể học và sử dụng thành thạo chữ quốc ngữ. Chính nhà cầm quyền ở Nam Kỳ thuộc địa (cuối thế kỷ XIX) đã thấy sự ưu thế, sự tiện lợi của chữ quốc ngữ và chú ý để phát triển chữ quốc ngữ làm chữ viết chính thức trong các văn bản hành chính. Điều này đã làm thay đổi hoàn toàn ngôn ngữ viết của dân tộc từ chữ Hán sang chữ quốc ngữ và chính thức đặt nền móng cho sự phát triển ngôn ngữ viết tiếng Việt sau này.

c) Về sự phát triển của ngôn ngữ thuộc phong cách hành chính

Cũng như với ngôn ngữ viết, ngôn ngữ thuộc phong cách hành chính - công vụ nhờ những yếu tố và quyết định nói trên mà phát triển theo một chiều hướng mới. Từ chỗ kho từ vựng chỉ có các từ như: *chiếu, chỉ, tấu, sớ, công đồng truyền, công đồng sai, công đồng khiển*,...²⁸ đến việc sử dụng những từ và khái niệm hoàn toàn mới như *sắc lệnh, sắc luật, nghị định, thông tư, quyết định, căn cứ*,...²⁹ Tất cả những từ ngữ trên xuất phát từ hệ thống văn bản hành chính mà người Pháp đã mang vào Việt Nam làm công cụ cai trị. Chính từ hệ thống văn bản này, với việc sử dụng vốn từ Hán - Việt và việc khai thác tính ưu việt của chữ quốc ngữ đã làm xuất hiện sự giao thoa ngôn ngữ. Từ hiện tượng này, một lớp từ mới xuất hiện và phát triển cho đến ngày nay. Kho từ vựng, các quy tắc ngữ pháp của phong cách ngôn ngữ

hành chính trong tiếng Việt xuất hiện và phát triển những yếu tố hoàn toàn mới xuất xứ từ hệ thống văn bản hành chính của người Pháp, sử dụng âm và nghĩa Hán - Việt. Điều này thực sự làm phát triển không chỉ ngôn ngữ của phong cách hành chính - công vụ mà cả ngôn ngữ viết tiếng Việt nói chung.

d) Về sự phát triển của ngành hành chính Việt Nam

Sự biến đổi ngôn ngữ trong văn bản hành chính của thời kỳ này đã thực sự làm thay đổi bộ mặt của văn bản hành chính xuất phát từ cơ sở Hán - Nho và thể chế chính quyền phong kiến Trung Quốc. Đó là sự thay đổi về từ ngữ, quy tắc ngữ âm, chính tả bằng chữ quốc ngữ Latinh trong hệ thống văn bản hành chính mới. Kèm theo sự thay đổi về ngôn ngữ là sự thay đổi toàn bộ hệ thống từ thể loại, thể thức và mẫu trình bày, thẩm quyền ban hành của hệ thống văn bản này. Đây là sự đóng góp có tính cơ bản, toàn diện và sâu sắc, đặt nền móng cho nền hành chính ngày nay. Như vậy, chính hiện tượng ngôn ngữ này đã góp phần phát triển và hoàn thiện nền hành chính Việt Nam. Tạo ra một bước phát triển mới của lịch sử hành chính, lịch sử văn hoá và ngôn ngữ tiếng Việt. Từ thời điểm này, hệ thống văn bản hành chính Việt Nam bắt đầu sử dụng một phương tiện thể hiện mới - chữ quốc ngữ Latinh - ngôn ngữ viết chính thức của dân tộc Việt Nam. Việc hệ thống văn bản hành chính sử dụng ngôn ngữ chính thức của dân tộc là một trong những đóng góp rất quan trọng trong việc phát triển nền hành chính quốc gia ngày một hoàn thiện. Có thể nói, cùng với sự xuất hiện của thể loại văn bản mới, cơ cấu chính quyền theo kiểu mới, việc hình thành văn bản hành chính bằng chữ quốc ngữ Latinh là một trong những biến đổi lớn trong lịch sử hình thành nền hành chính Việt Nam. Từ thời điểm này, cùng những biến đổi khác, văn bản hành chính bằng tiếng Việt đã góp phần hoàn thiện một cách căn bản nền hành chính Việt Nam - nền hành chính sử dụng văn bản bằng ngôn ngữ viết chính thức của dân tộc.

CHÚ THÍCH

- ¹ Theo Hiến pháp 1875 của Cộng hoà Pháp.
- ² *Bulletin officiel de la Cochinchine Francaise (1865 - 1899)*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- ³ Tất cả thẩm quyền của các chức vụ, tổ chức chính quyền thực dân của Pháp tại Việt Nam (1862 - 1945) đều được quy định bằng sắc lệnh của Tổng thống Pháp trên cơ sở bản Senatus - Consulte 3/5/1854.
- ⁴ Tất cả thẩm quyền của các chức vụ, tổ chức chính quyền thực dân của Pháp tại Việt Nam (1862 - 1945) đều được quy định bằng sắc lệnh của Tổng thống Pháp trên cơ sở bản Senatus - Consulte 3/5/1854.

- ⁵ Từ năm 1869 - 1879, các Thống đốc Nam Kỳ lần lượt ban hành 08 nghị định làm cơ sở pháp lý để thay thế chữ Hán trong văn bản giao dịch hành chính
- ⁶ *Arrêté relatif à l'emploi légal de la langue annamite en caractères latins* Du 6 avril 1878. CB J 1040. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- ⁷ Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- ⁸ Dương Quảng Hàm, *Văn học sử yếu*, Sài Gòn, 1970.
- ⁹ *Arrêté relatif à l'emploi légal de la langue annamite en caractères latins* Du 6 avril 1878. CB J 1040, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- ¹⁰ Theo các tài liệu hiện có (Bản microfilm tại Thư viện Khoa học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh).
- ¹¹ Nghị định số 82, ngày 06/4/1878 của Thống đốc J. LAFONT. CB J 1040, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- ¹² Archivio Sereto Vatican. Congr. Pro 3014, 3018; Archivio della Compagnia di Gesu. Jap. Sin 68, 81, 88, 89, 90; Archivio Congregazione di Propaganda Fide. Tunkin, Cocicina.
- ¹³ Xứ Nam Kỳ thuộc Pháp từ sau năm 1862.
- ¹⁴ Nghị định số 82, ngày 06/4/1878 của Thống đốc J. LAFONT. CB J 1040, Phòng Thống đốc Nam Kỳ, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- ¹⁵ Đỗ Quang Chính, *Lịch sử chữ quốc ngữ*, Tủ sách Ra khơi, Sài Gòn, 1972
- ¹⁶ *Arrêté relatif à l'emploi légal de la langue annamite en caractères latins* Du 6 avril 1878. CB J 1040, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- ¹⁷ Trương Văn Giỏi, *Từ điển Hán - Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.
- ¹⁸ Trương Văn Giỏi, *Từ điển Hán - Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999, tr 93.
- ¹⁹ Trương Văn Giỏi, *Từ điển Hán - Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999, tr 142.
- ²⁰ Đoàn Trọng Truyền, *Từ điển Pháp - Việt pháp luật về hành chính*, NXB Thế giới, 1993.
- ²¹ Trương Văn Giỏi, *Từ điển Hán - Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.
- ²² Trương Văn Giỏi, *Từ điển Hán - Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999, tr 93.
- ²³ Trương Văn Giỏi, *Từ điển Hán - Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999, tr 142.
- ²⁴ Đoàn Trọng Truyền, *Từ điển Pháp - Việt pháp luật về hành chính*, NXB Thế giới, 1993, tr 37.
- ²⁵ Trương Văn Giỏi, *Từ điển Hán - Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.
- ²⁶ Trần Văn Giàu, "Lược sử Thành phố Hồ Chí Minh", *Địa chí Văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, 1985, tr.263.
- ²⁷ *Arrêté relatif à l'emploi légal de la langue annamite en caractères latins* Du 6 avril 1878, CB J 1040, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- ²⁸ *Châu bản Nhà Nguyễn (Gia Long)*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II (1997).
- ²⁹ *Journal Officiel de l'Indochine* (1899), CB J 1040, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.